

Bản án số: 238 /2024/HS-ST
Ngày 07 - 11 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 10 và 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 291/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn N sinh năm 1991 tại Thành phố H nơi cư trú (Nơi thường trú: 1.02 Lô A1, Chung cư L, Phường A, Quận F, Thành phố H chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N1 và bà Trần Thị Ngọc T; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 27/9/2010, Tòa án nhân dân Quận 5 xét xử tuyên phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 năm, về tội: “Cố ý gây thương tích” theo bản án số: 156/2010/HSST. Bị hại trong vụ án kháng cáo, ngày 27/1/2011 Tòa án nhân dân Thành phố xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại theo bản án số: 90/2011/HSPT. Tháng 10/2011 đã đóng án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 12/9/2012, Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số: 135/2012/HSST. Tổng hợp 01 năm tù của bản án phúc thẩm buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 08 năm 06 tháng tù, thi hành án tại Trại giam T5, ngày 02/8/2018 chấp hành án xong hình phạt tù. Tháng 10/2013 thi hành đóng án phí, nộp phạt và giao nộp số tiền thu lợi bất chính trong 02 bản án.

- Ngày 11/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử tuyên phạt 04 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 89/2019/HS-ST. Thi hành án tại Trại giam T5 đến ngày 12/4/2023 chấp hành án xong. Đóng án phí ngày 17/12/2019.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2024 đến nay. (có mặt)

2. Lê Nguyễn Hồng G sinh năm 1992 tại Thành phố H nơi cư trú (Nơi đăng ký thường trú: B B, Phường D, Quận F, Thành phố H chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng H và bà Nguyễn Thị Y; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2024 đến nay. (có mặt)

3. Nguyễn Hoàng B sinh năm 1997 tại Tiền Giang nơi cư trú (Nơi đăng ký thường trú: 5 P, Phường G, Quận F, Thành phố H ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tấn P và bà Nguyễn Thị O; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 23/3/2022, Tòa án nhân dân Quận 11 ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 3, ngày 28/10/2023 chấp hành xong.

Nhân thân:

- Ngày 21/01/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thời hạn 24 tháng tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2 theo Quyết định số:75/2017/QĐTA, ngày 30/12/2018 chấp hành xong.

- Ngày 11/6/2019, Tòa án nhân dân Quận Tân Bình ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thời hạn 18 tháng tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2 theo Quyết định số: 112/QĐ-TA, ngày 03/10/2020 chấp hành xong.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2024 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Trương Minh H1, sinh năm: 1996; nơi cư trú: phòng số G, nhà trọ B A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Chị Võ Thị Thanh T1, sinh năm: 1995; nơi cư trú: phòng số A, nhà trọ B A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2023, Lê Văn N2 và Lê Nguyễn Hồng G1 cùng thuê phòng trọ sống chung tại số B đường A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng tháng 5/2024, N2 và G1 trả phòng trọ dọn đến thuê nhà trọ không số, ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng 23 giờ ngày 19/5/2024, N2 nhớ đang còn cất giữ chìa khóa cửa cổng nhà trọ số B A, Phường A, Quận H và biết những người thuê trọ thường để xe gắn máy bên ngoài phòng trọ nhưng không có người trông coi nên N2 này

sinh ý định dùng chìa khóa trên đến nhà trọ để mở cửa cổng vào chiếm đoạt xe máy mang bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, khoảng 02 giờ ngày 20/5/2024, N2 mang theo 01 bộ dụng cụ dùng bẻ khóa công tắc xe gắn máy (còn gọi là đoản) thuê xe honda ôm đến cầu M trên đường A, Phường A, Quận H rồi N2 đi bộ đến nhà trọ số B A, Phường A, Quận H. Tại đây, N2 dùng chìa khóa mở cửa cổng đi vào bên trong khu để xe gắn máy thì nhìn thấy chiếc xe gắn máy hiệu Honda Lead, biển số: 59V1-976.53 của chị Võ Thị Thanh T1 và xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 63B5-054.73 của anh Trương Minh H1 (là những người thuê trọ tại đây) dựng chống nghiêng bên ngoài phòng trọ không khóa cổ và không có người trông coi nên ý định trộm hai chiếc xe này. N2 lén lút tiếp cận dùng đoản bẻ khóa công tắc xe. Do một mình N2 không thể cùng lúc lấy 02 chiếc xe nên N2 chiếm đoạt xe Lead, biển số: 59V1-976.53 của chị T1 trước rồi mang về nhà trọ không số ấp 1, xã T, huyện B gặp G thì N2 nói cho G1 biết xe trên Ngọc mượn của bạn bè. Khoảng 15 phút sau, N2 tiếp tục thuê xe ôm chở gần đến nhà trọ rồi N2 đi bộ vào trong sân tiếp tục dùng đoản bẻ khóa chiếm đoạt xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu đen, biển số: 63B5-054.73 của anh H1 mang về nhà trọ. Lúc này, G1 ra mở cửa và hỏi N2 “xe đâu đem về nữa?” thì N2 cho biết cả hai xe do trộm cắp mà có nhưng N2 không nói cho G1 biết trộm xe ở đâu.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày 20/5/2024, N2 liên lạc Nguyễn Hoàng B1 hỏi B1 có mua xe do trộm cắp hay không thì B1 đồng ý và hẹn gặp tại khách sạn H3, số A ấp A, xã T, huyện B để xem xe. Sau đó, B1 liên lạc với L (không rõ lai lịch) qua mạng xã hội T2 (Số T) với tên tài khoản “Nice Nice” được L đồng ý mua xe hiệu Vision biển số: 63B5 054.73 giá 3.000.000 đồng và xe hiệu Lead biển số: 59V1-976.53 giá 3.500.000 đồng, đồng thời L chuyển khoản trước vào tài khoản số 3455666699 của B1 (thuộc ngân hàng T6) số tiền 3.500.000 đồng để mua 02 xe trên. Sau đó, N2 điều khiển xe biển số: 63B5-054.73, G1 điều khiển xe biển số: 59V1-976.53 đến trước khách sạn H3 gặp B1 điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave màu trắng, biển số: 59KA-090.07 đến. Tại đây, B1 đồng ý mua mỗi xe với giá: 2.500.000 đồng (B1 hưởng lợi 1.500.000 đồng) rồi B1 cùng N2 và G1 đem 02 xe gắn máy trên đến Bệnh viện N4 gửi rồi đưa 02 thẻ giữ xe (loại thẻ từ) cho B1 giữ. Sau đó B1 chở N2 và G1 đến quán nước ven đường gần Bệnh viện N4. Tại đây, B1 chuyển khoản trả trước 3.000.000 đồng là số tiền mua 02 xe trên của N2 vào tài khoản số 0936498167 (thuộc ngân hàng M) mang tên LE NGUYEN HONG GAM còn số tiền 2.000.000 đồng B1 nợ N2 khi nào bán được 02 xe trên thì B1 chuyển trả hết cho N2.

Sau khi mua 02 xe gắn máy, B1 nhờ Võ Hoàng P1 đem 02 xe gắn máy trên đi sửa giùm B1 rồi B1 đến đối diện trước bến xe M đón P1 chở đến bãi giữ xe Bệnh viện N4 để lấy xe. B1 đưa cho P1 02 thẻ giữ xe để P1 vào lấy xe. Khi P1 vào bãi giữ xe lấy xe Lead biển số: 59V1-976.53 chạy ra nhưng do đưa nhầm thẻ của xe V1, biển số: 63B5-054.73 bị bảo vệ bãi xe nghi ngờ nên giữ B1 và P1 cùng 02 xe gắn máy trên rồi báo Công an xã T, huyện B đến đưa B1 và P1 về làm việc. Do vụ việc mất trộm 02 xe gắn máy trên thuộc địa bàn Phường A, Quận H nên Công an huyện B chuyển hồ sơ cho Công an Q thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 30/5/2024, Hội đồng định giá tài sản Quận H có kết luận, xác định giá trị của chiếc xe biển số: 59V1-976.53 là 7.200.000 đồng và chiếc xe biển số: 63B5-054.73 là 12.800.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị mất trộm là 20.000.000 đồng.

Sau khi bán 02 xe trên thì N2 và G1 sợ bị phát hiện nên bỏ trốn sống nhiều nơi không nhất định. Cơ quan Điều tra ra quyết định truy tìm và đến ngày 10/6/2024, phát hiện N2 và G1 nên đưa về làm việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q, N2, G1 và B1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và thu giữ 01 bộ đoàn dùng ổ khóa công tắc xe gắn máy.

Đối với hành vi tiêu thụ của đối tượng tên L, Cơ quan điều tra có công văn đề nghị Bộ T7 và Công ty D1 cung cấp thông tin tài khoản Telegram trên. Ngày 14/8/2024, Bộ T7 cung cấp, hiện mạng xã hội Telegram được vận hành ở nước ngoài chưa có thông tin liên hệ tại Việt Nam, Cục truyền thông không quản lý hoạt động, dữ liệu người dùng Telegram. Qua xác minh tài khoản của B1 tại ngân hàng T6 được biết chủ tài khoản có số bút toán FT24141064043181.BNK thuộc ngân hàng TMCP V2 thực hiện giao dịch chuyển tiền cho B1 vào ngày 20/5/2024. Cơ quan điều tra có công văn đề nghị ngân hàng TMCP V2 cung cấp thông tin chủ tài khoản trên để làm rõ nhưng đến chưa có kết quả.

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

- 01 USB hiệu Kingston dung lượng 2GB do anh Lê Hoàng V giao nộp; 01 USB hiệu Kingston dung lượng 4GB, do anh Nguyễn Bửu T3 giao nộp.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu đen bạc, biển số: 63B5-054.37 do anh Dương Hoàng N3, sinh năm: 1976; Ngụ: 15 V, ấp A, xã T, B, Thành phố Hồ Chí Minh giao nộp. Xác minh xe do chị Trương Thị Kim H2 (chị ruột anh H1) đứng tên chủ sở hữu. Năm 2020 chị H2 cho anh H1 chiếc xe gắn máy trên, nhưng do là người thân trong gia đình nên không có làm thủ tục sang tên đăng ký xe trên. Ngày 07/9/2024 Cơ quan điều tra lập biên bản trả lại tài sản cho anh H1.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead, màu đỏ, biển số: 59V1-976.53, do anh Dương Hoàng N3 giao nộp. Xác minh xe do ông Thân Trọng T4 đứng tên đăng ký sở hữu. Ngày 19/3/2024 ông T4 bán xe cho ông Nguyễn Tuấn D. Đến ngày 05/4/2024 anh D bán xe trên cho chị T1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên xe. Ngày 07/9/2024 Cơ quan điều tra lập biên bản trả lại tài sản cho chị T1.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng, số imei: 35948508796905 và 01 ĐTDĐ hiệu Oppo Reno 5, số imei: 86554505063934, 01 xe Wave màu trắng, biển số: 59KA-090.07 thu của Nguyễn Hoàng B1 dùng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro màu vàng, số imei: 552003571729845, tạm giữ của Nguyễn Hoàng P2 không liên quan đến vụ án. Ngày 08/9/2024 Cơ quan điều tra lập biên bản trả lại tài sản cho Nguyễn Hoàng P2.

- 02 thanh kim loại dài 07cm, màu trắng có 01 đầu hình trụ và 01 đầu dẹp; 01 dụng cụ mở khóa kim loại số 8 dài 12 cm có 01 đầu tròn và 01 đầu hình chữ C; 01 thanh kim loại hình trụ hình vuông màu vàng dài 05 cm. Cả 02 đầu thanh kim loại có gắn 04 viên tròn nam châm, chính giữa có 01 lỗ hình tròn, thu của Lê Văn N2.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 254/CT-VKS-Q8 ngày 02/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Văn Ngọc về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017); truy tố bị cáo Lê Nguyễn Hồng G1 và Nguyễn Hoàng B1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Văn N2 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Hồng G1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng B1 từ 02 năm đến 03 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy: 02 thanh kim loại dài 07cm, màu trắng có 01 đầu hình trụ và 01 đầu dẹp; 01 dụng cụ mở khóa kim loại số 8 dài 12 cm có 01 đầu tròn và 01 đầu hình chữ C; 01 thanh kim loại hình trụ hình vuông màu vàng dài 05 cm. cả 02 đầu thanh kim loại có gắn 04 viên tròn nam châm, chính giữa có 01 lỗ hình tròn, thu của Lê Văn N2 dùng vào việc phạm tội. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng, và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 5, 01 xe Wave màu trắng, biển số: 59KA-090.07 thu của Nguyễn Hoàng B1 do có dùng vào việc phạm tội. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 20/5/2024 tại nhà trọ số B đường A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Văn N2 có hành vi lén lút

chiếm đoạt 02 xe gắn máy (gồm: 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead, biển số: 59V1-976.53 và 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 63B3-054.73) có tổng trị giá 20.000.000 đồng của chị Võ Thị Thanh T1 và anh Trương Minh H1.

Lê Nguyễn Hồng G1 không hứa hẹn trước nhưng biết rõ 02 xe gắn máy nêu trên do Lê Văn N2 trộm cắp mà có nhưng G1 vẫn đồng ý giúp cho N2 tiêu thụ tài sản là 02 chiếc xe trên, đồng thời G1 đã cùng N2 sử dụng tiền do bán xe mà có. Bị cáo Nguyễn Hoàng B1 không hứa hẹn trước nhưng biết rõ 02 xe gắn máy nêu trên do trộm cắp mà có nhưng B1 vẫn mua với mục đích bán lại cho một người đàn ông tên L (không rõ lai lịch) để thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng.

Năm 2019, bị cáo Lê Văn N2 bị kết án với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm nguy hiểm*”, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường “*tái phạm nguy hiểm*”, đây là tình tiết định khung hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Tội trộm cắp tài sản” như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4] Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như sau:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Văn N2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi của các bị cáo Lê Nguyễn Hồng G1, Nguyễn Hoàng B1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản

do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Bị cáo Nguyễn Hoàng B1 có 01 tiền sự bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính vào năm 2022 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo B1.

[8] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm nhưng mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo N2 là người rủ rê G1 và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản, tìm người tiêu thụ tài sản; bị cáo G1 là người giúp sức cho bị cáo N2. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[9] Xét quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi để trả cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Bị cáo G1, B1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo G1, B1. Đối với bị cáo G1 có 02 con còn nhỏ (sinh năm 2011 và năm 2019) nên Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt hình phạt đối với bị cáo G1.

[10] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Dữ liệu điện tử: Các USB ghi lại hình ảnh các bị cáo trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản, xét là chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[12] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu đen bạc, biển số: 63B5-054.37 của anh H1; 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead, màu đỏ, biển số: 59V1-976.53 của chị T1 đã trả lại cho chị T1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro màu vàng tạm giữ của Nguyễn Hoàng P2 không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho Nguyễn Hoàng P2 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

02 (hai) thanh kim loại dài 07cm, màu trắng có 01 đầu hình trụ và 01 đầu dẹp; 01 dụng cụ mở khóa kim loại số 8 dài 12 cm có 01 đầu tròn và 01 đầu hình chữ C; 01 thanh kim loại hình trụ hình vuông màu vàng dài 05 cm. Cả 02 đầu thanh kim loại có gắn 04 viên tròn nam châm, chính giữa có 01 lỗ hình tròn, thu của Lê Văn N2 dùng vào việc

phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng, số imei: 35948508796905 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 5, số imei: 86554505063934, 01 xe Wave màu trắng, biển số: 59KA-090.07 thu của Nguyễn Hoàng B1 dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[13] Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Cụ thể: Buộc bị cáo N2 và G1 liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.000.000 đồng; buộc bị cáo B1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.500.000 đồng

[14] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với hành vi tiêu thụ của L, Cơ quan điều tra Quyết định tách vụ án tục điều tra xác minh, khi nào có đủ căn cứ thì xử lý sau.

[16] Đối với Võ Hoàng P1 được Nguyễn Hoàng B1 nhờ đến bãi xe lấy xe đi sửa dùm B1, P1 không biết 02 xe gắn máy nêu trên là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đưa vào diện xem xét xử lý.

[17] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn N2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2024.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Hồng G1 09 (chín) tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng B1 02 (hai) năm tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2024.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) thanh kim loại dài 07cm, màu trắng có 01 đầu hình trụ và 01 đầu dẹp; 01 dụng cụ mở khóa kim loại số 8 dài 12 cm có 01 đầu tròn và 01 đầu hình chữ C; 01 thanh kim loại hình trụ hình vuông màu vàng dài 05 cm. Cả 02 đầu thanh kim loại có gắn 04 viên tròn nam châm, chính giữa có 01 lỗ hình tròn.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng, số imei: 35948508796905 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 5, số imei: 86554505063934, 01 xe Wave màu trắng, biển số: 59KA-090.07.

(Tất cả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/10/2024).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Lê Văn N2, Lê Nguyễn Hồng G1, Nguyễn Hoàng B1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc